

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HS-ST

Ngày: 06/02/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Hiếu – Trường phòng Dân tộc thành phố Châu Đốc.

- Bà Trần Thị Ánh Hằng – Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Châu Phú A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại **trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc** xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 71/2017/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh năm 1963; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: tổ 21, khóm VT1, phường NS, thành phố CD, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: kinh doanh nhà trọ; trình độ học vấn: 01/12; con ông Huỳnh Văn C (đã chết) và bà Lê Thị N (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn Th1 và có 09 người con;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị tạm giữ từ ngày 19/6/2015 đến ngày 24/6/2015 được tại ngoại cho đến nay; có mặt.

2. Võ Thị M, sinh năm 1960; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: tổ 25, khóm VT1, phường NS, thành phố CD, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: kinh doanh nhà trọ; trình độ học vấn: 3/12; con ông Võ Văn T1 (đã chết) và bà Lê Thị T2; có chồng là Thái Văn U và 03 người con;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị tạm giữ từ ngày 19/6/2015 đến ngày 24/6/2015 được tại ngoại cho đến nay; có mặt.

3. Đặng Ngọc H, sinh năm 1969; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: tổ 34, khóm VT1, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: kinh doanh nhà trọ; trình độ học vấn: 10/12; con ông Đặng Văn S (đã chết) và bà Bùi Thị U1; có chồng là Nguyễn Thanh Q và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2001;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị tạm giữ từ ngày 19/6/2015 đến ngày 24/6/2015 được tại ngoại cho đến nay; có mặt.

4. Trần Thị Th, sinh năm 1953; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: tổ 06, khóm VT2, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 02/12; con ông Trần Văn U2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị D (đã chết); có chồng là Ngô Văn M và 04 người con, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1994;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị tạm giữ từ ngày 19/6/2015 đến ngày 24/6/2015 được tại ngoại cho đến nay; có mặt.

5. Lâm Thị Đ, sinh năm 1981; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: tổ 08, khóm VT1, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 01/12; con ông Lâm Văn X và bà Ngô Thị X1; có chồng là Trần Văn K và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị tạm giữ từ ngày 19/6/2015 đến ngày 24/6/2015 được tại ngoại cho đến nay; có mặt.

6. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: tổ 01, khóm VT1, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Thanh X3 (đã chết) và bà Lê Thị X4; chưa lập gia đình.

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị tạm giữ từ ngày 19/6/2015 đến ngày 24/6/2015 được tại ngoại cho đến nay; có mặt.

Người làm chứng:

- P (L), sinh năm 1975; địa chỉ: tổ 23, khóm VP, phường NS, thành phố CD, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Trần Thị Ng, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ 02, ấp BB, xã VT, thành phố CD, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt:

Khoảng 11 giờ ngày 19/6/2015, Y điện thoại rủ M, Th và Đúng đến nhà trọ Phương Thảo (thuộc tổ 21, khóm Vĩnh Tây 1, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc) chơi đánh bài tứ sắc ăn thua bằng tiền. Khi M đến, Y và M đi sang nhà H rủ H cùng tham gia đánh bài. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Y hùn với M và cùng Th, Đúng, H mỗi người một tụ, bắt đầu chơi đánh bài tứ sắc với hình thức: mỗi chếnh 600.000 đồng, số tiền ăn thua được căn cứ trên số lệnh của người thắng ở mỗi ván, một lệnh được quy đổi là 2.000 đồng. Khi một trong bốn tụ thua hết 600.000 đồng là kết thúc 01 chếnh bạc; Y thu tiền xâu mỗi tụ 20.000 đồng.

Khi bắt đầu chơi chếnh 2, T đến hùn để đánh bạc chung tụ với Đ. Trong lúc đang đánh bạc ở ván thứ 2 thì bị lực lượng Cảnh sát - Công an thành phố Châu Đốc kết hợp với Công an phường Núi Sam phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc: 4.500.000 đồng; 13 bộ bài tứ sắc hiệu Phát Tài, trong đó, có 10 bộ chưa sử dụng, 03 bộ đã qua sử dụng; 01 hộp nhựa màu trắng có đựng 158 lệnh bài (được xếp từ 02 lá bài tứ sắc hình vuông, đẹp); 01 chiếc chiếu dài 1,9m x 1,56m, đã qua sử dụng.

Đồng thời, thu giữ các vật chứng khác của các đối tượng tham gia đánh bạc gồm:

+ Thu giữ của Y: 01 điện thoại Nokia C2 màu đen, sim số 01242295460, đã qua sử dụng, được Y sử dụng rủ M, Th, Đ đánh bạc; 7.803.000 đồng, trong đó, có 3.723.000 đồng để đánh bạc, 80.000 đồng là tiền xâu chếnh thứ nhất.

+ Thu giữ của M: 11.086.000 đồng, trong đó, có 900.000 đồng để đánh bạc; 01 điện thoại Nokia 100, màu xanh đen cùng sim số 0972 784030, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô AirBlade màu vàng đen, biển số 67Z1 – 4013, đã qua sử dụng.

+ Thu giữ của Th: 01 điện thoại Nokia 112, màu đen cùng sim số 0167 6759888, đã qua sử dụng, được Th sử dụng liên lạc với Y khi Y rủ đánh bạc; 4.450.000 đồng, trong đó, có 100.000 đồng sử dụng để đánh bạc; 01 xe mô tô Dream màu nâu, biển số 67F5 – 4002.

+ Thu giữ của Đ: 01 điện thoại Iphone màu đen có gắn sim số 0917770092; 01 điện thoại Nokia 112 cùng sim số 0945839739; 01 xe mô tô AirBlade, màu

vàng đen, biển số 67Z1 – 4087; 93.254.000 đồng, trong đó, có 1.254.000 đồng để đánh bạc.

+ Thu giữ của H: 2.110.000 đồng để đánh bạc.

+ Thu giữ của T: 2.304.000 đồng để đánh bạc.

Ngày 29/6/2015, các bị cáo bị khởi tố để điều tra.

Tại Cáo trạng số 69/VKS-HS ngày 18 tháng 11 năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc đã truy tố các bị cáo Y, M, H, Th, Đ và T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2015/HS-ST ngày 31/12/2015, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử:

Xử phạt: Huỳnh Thị Ngọc Y: 07 (bảy) tháng tù; Võ Thị Ngọc M: 04 (bốn) tháng tù; Đặng Ngọc H: 04 (bốn) tháng tù; Trần Thị Th: 04 (bốn) tháng tù; Lâm Thị Đ: 06 (sáu) tháng tù; Nguyễn Thanh T: 03 (ba) tháng tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/01/2016, các bị cáo Y, M, H, Th, Đ, T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Án phúc thẩm số 64/2016/HS-PT ngày 31/3/2016, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Theo Quyết định giám đốc thẩm số 26/2017/HS-GĐT ngày 05/6/2017 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh quyết định hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm và phúc thẩm nêu trên với nhận định “*các bị cáo đánh bài tứ sắc mỗi chéng 600.000 đồng, mới đánh đến chéng thứ hai thì bị bắt quả tang. Các bị cáo đều có đơn trình số tiền thu giữ được trong người các bị cáo không phải là tiền dùng để đánh bạc mà là tiền dùng để chi tiêu cho gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của các bị cáo kết luận tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 14.891.000 đồng là chưa đảm bảo khách quan*”.

Tại Cáo trạng số 11/VKS-HS ngày 29 tháng 12 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc đã truy tố các bị cáo Y, M, H, Th, Đ, T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo Y, M, H, Th, Đ, T khai nhận hành vi phạm tội như đã khai nhận trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm và xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều đã thành khẩn nhận tội, lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ, trong đó thu trên chiếu bạc 4.500.000 đồng, thu giữ của Y 3.723.000 đồng; H 2.110.000 đồng; T 2.304.000 đồng, M 900.000 đồng, Th 100.000 đồng, Đ 1.254.000 đồng. Nên có cơ sở xác định hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” với số tiền đánh bạc được xác định là 14.891.000 đồng. Vì vậy, Cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi đánh bạc là một trong những tệ nạn xã hội cần được bài trừ, các bị cáo đều là người trưởng thành, có sức khỏe, có điều kiện làm ăn chân chính để nuôi sống bản thân và gia đình; các bị cáo có đầy đủ nhận thức, biết pháp luật nghiêm cấm đánh bạc với bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật. Thế nhưng do lười lao động, tham lam muốn có nhiều tiền nhưng không phải nhiều công sức lao động cực nhọc nên các bị cáo đã bất chấp tham gia đánh bạc được thua bằng tiền; hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến trật tự quản lý chung của nhà nước, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng ở mức độ giản đơn, không có sự câu kết, bàn bạc, phân công vai trò chặt chẽ với nhau; bị cáo Y là người rủ rê đồng thời cùng các bị cáo còn lại tham gia đánh bạc với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 14.891.000 đồng, các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự và phải chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội nhưng bị cáo vẫn thực hiện, vì vậy cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng đối tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo.

Song, khi lượng hình có xem xét:

Mặc dù các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nhưng xét hành vi của bị cáo Y, H, Th, M, T thuộc trường hợp: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quy định tại điểm i, khoản 1, Điều 51 BLHS.

Trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Riêng bị cáo Y đã tự nguyện giao nộp 400.000 đồng là tiền thu lợi bất chính trong thời gian đánh bạc - là tình tiết giảm nhẹ theo điểm khoản 2 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo M, Th, Đ tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố là tình tiết giảm nhẹ theo điểm t, khoản 1, Điều 51 BLHS;

Các bị cáo có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 1, Điều 51 BLHS 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, có nơi cư trú rõ ràng nên đủ điều kiện cho hưởng án treo, có thể giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội và có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Đối với, P đã bán số đề vào ngày 18/6/2015 với số tiền thể hiện trên phôi là 1.960.000 đồng, CQCSĐT đã đề nghị Trưởng Công an thành phố Châu Đốc xử lý hành chính.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248 BLHS sửa đổi năm 2009; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, áp dụng thêm điểm t, khoản 1, Điều 51 BLHS năm 2015 đối với bị cáo M, Th, Đ đề nghị xử phạt các bị cáo Y, Đ, M, Th, H, T từ 03 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Đã được xét xử và thi hành án xong nên không đặt ra giải quyết.

Về biện pháp tư pháp: Đã được xét xử và thi hành án xong nên không đặt ra giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc bị bắt quả tang tại nhà trọ Phương Thảo thuộc tổ 21, khóm Vĩnh Tây, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

[2] Về sự vắng mặt của những người làm chứng: Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, các người làm chứng bà P, bà Trần Thị Ng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, những người làm chứng này

đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P, bà Ng.

[3] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an nhân dân thành phố Châu Đốc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung:

[1] Hành vi phạm tội:

Bị cáo Y khai nhận, vào khoảng 11 giờ ngày 19/6/2015, bị cáo Y gọi điện thoại rủ các bị cáo M, Th, Đ đến nhà trọ Phương Thảo (của bị cáo Y) để đánh bài tứ sắc ăn thua bằng tiền. Khi bị cáo M đến, bị cáo Y cùng bị cáo M sang nhà trọ của bị cáo H rủ bị cáo H cùng tham gia đánh bài tứ sắc thì bị cáo H đồng ý. Bị cáo Y với bị cáo M hùn 01 tụ, mỗi người hùn 300.000 đồng; các bị cáo Th, Đ, H mỗi người tham gia 01 tụ. Hình thức đánh bạc là đánh bài tứ sắc theo chẵn. Mỗi chẵn 600.000 đồng. Khi một trong 04 tụ thua hết số tiền 600.000 đồng thì chẵn bài kết thúc và bị cáo Y thu xâu mỗi tụ 20.000 đồng. Sau khi kết thúc chẵn thứ nhất, bị cáo T đến và hùn với bị cáo Đ tham gia một tụ, mỗi người hùn 300.000 đồng, để chơi chẵn thứ 2. Khi đang chơi chẵn thứ 2 thì bị Công an bắt quả tang.

Cách thức chơi và thắng thua được tiến hành như sau: mỗi tụ bài được chia 20 lá bài, riêng người chia được 21 lá bài; mỗi tụ được nhận 10 lệnh bài, mỗi lệnh được quy ước là 2.000 đồng để chung chi thay cho tiền lẻ. Hai lá bài giống nhau được tính là đôi, ăn được 01 lệnh; 03 lá bài giống nhau được tính là khạp, ăn được 03 lệnh; 04 lá bài cùng loại, giống nhau được tính là quần, ăn được 08 lệnh; một đôi ăn 01 lá bài tương tự được tính là khạp, ăn 06 lệnh; ăn tướng – sĩ – tượng, xe – pháo – ngựa hoặc tướng được tính 01 lệnh.

Người thắng 02 bàn liên tục được 01 chon. Nếu thắng 03 bàn liên tục thì 03 người, mỗi người phải chung cho người thắng 40 lệnh và cùng đếm số quần, khui, khạp, đôi, tướng... để chung tiền. Một ván bài kết thúc khi có 01 người đánh hết số bài lẻ trên tay và ăn thêm bài khác hoặc lật được tướng. Khi có người tới thì tất cả bỏ bài xuống, đếm lệnh ăn thua. Người tới đếm lệnh, quy thành tiền ăn với 03 người thua. Sau đó, 03 người thua đếm quần, khui ăn thua với nhau.

Các bị cáo M, H, Th, Đ và T khai nhận tham gia vào việc đánh bạc với cách thức đánh bạc được thua bằng tiền như bị cáo Y khai.

Bên cạnh đó, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa còn phù hợp với lời khai của từng bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 19/6/2015 do Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội - Công an thành phố Châu Đốc lập; phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Ngô Thị P về việc chứng kiến các bị cáo đánh bài tứ sắc ăn thua bằng tiền tại nhà trọ Phương Thảo và việc Công an bắt quả tang trong lúc các bị cáo đang đánh bạc khi bà P đến nhà trọ của bị cáo Y đóng tiền hui; lời khai của bà Trần Thị Ng về việc chứng kiến Công an bắt quả tang các bị cáo đang đánh bài tứ sắc ăn thua bằng tiền khi bà Ng mang nước uống cho bị cáo T.

Ngoài ra, lời khai của các bị cáo còn phù hợp với vật chứng bị thu giữ là 13 bộ bài tứ sắc; 01 hộp nhựa màu trắng có đựng 158 lệnh bài; 01 chiếc chiếu; các điện thoại di động được các bị cáo Y, M, Th, Đ sử dụng liên lạc rủ nhau đánh bạc; tiền thu giữ trên chiếu bạc, tiền thu giữ từ các bị cáo.

Như vậy, có căn cứ xác định các bị cáo đã tham gia đánh bạc được thua bằng tiền với hình thức thắng thua lẫn nhau.

[2] Về số tiền đánh bạc:

Theo lời khai của các bị cáo và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện, khi bắt quả tang, Cơ quan điều tra thu giữ trên chiếu bạc 4.500.000 đồng, bao gồm: 140.000 đồng tại tụ của bị cáo Y, bị cáo M; 660.000 đồng tại tụ của bị cáo H; 2.700.000 đồng tại tụ của bị cáo Th; 1.000.000 đồng tại tụ của bị cáo Đ và bị cáo T.

Bên cạnh đó, Cơ quan điều tra còn thu giữ của bị cáo Y 7.803.000 đồng; thu giữ của bị cáo M 11.086.000 đồng; thu giữ của bị cáo H 2.110.000 đồng; thu giữ của bị cáo Th 4.450.000 đồng; thu giữ của bị cáo Đ 93.254.000 đồng; thu giữ của bị cáo T 2.304.000 đồng.

Các bị cáo M, Th, Đ có lời khai trong giai đoạn điều tra lại và tại phiên tòa giống với lời khai đã cung cấp trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm trước đây; các bị cáo H, Y, T có lời khai trước giai đoạn điều tra lại và tại phiên tòa có sự thống nhất. Cụ thể:

Bị cáo M xác định, trong số 11.086.000 đồng bị thu giữ, chỉ có 900.000 đồng được bị cáo dùng vào việc đánh bạc; còn lại 10.186.000 đồng là tiền bị cáo kinh doanh nhà trọ mà có, không được dùng vào việc đánh bạc.

Bị cáo Th xác định, trong số 4.450.000 đồng bị thu giữ, chỉ có 100.000 đồng được dùng vào việc đánh bạc; số còn lại 4.350.000 đồng là tiền hui do bị cáo Y vừa trả cho bị cáo, được bị cáo để riêng trong tay áo, không được sử dụng vào việc đánh bạc.

Bị cáo Đ xác định, trong số 93.254.000 bị thu giữ, chỉ có 1.254.000 đồng được dùng để đánh bạc; số còn lại 92.000.000 đồng do bị cáo cầm tài sản sử dụng vào việc trả nợ, không được dùng vào việc đánh bạc.

Bị cáo Y xác định, trong số 7.803.000 đồng, có 4.000.000 đồng là tiền hui do bị cáo Đ châu, 80.000 đồng là tiền xâu, 3.723.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc.

Bị cáo H xác định, số tiền 2.110.000 đồng bị thu giữ trên người bị cáo là dùng để đánh bạc.

Bị cáo T xác định, số tiền 2.304.000 đồng bị thu giữ trên người bị cáo là dùng để đánh bạc.

Vì vậy, số tiền đánh bạc được xác định gồm: 4.500.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc; 3.723.000 đồng thu giữ từ bị cáo Y; 900.000 đồng thu giữ từ bị cáo M; 2.110.000 đồng thu giữ từ bị cáo H; 100.000 đồng thu giữ từ bị cáo Th; 1.254.000 đồng thu giữ từ bị cáo Đ và 2.304.000 đồng thu giữ từ bị cáo T. Tổng cộng là 14.891.000 đồng.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện qua sự thừa nhận của bị cáo và việc lựa chọn địa điểm đánh bạc. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ Luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đánh bạc, trong đó có hình thức đánh tứ sắc được thua bằng tiền, là tệ nạn xã hội gây ra nhiều hệ lụy cho gia đình và xã hội. Chính vì vậy, bên cạnh xử lý hành chính, pháp luật hình sự còn quy định đánh bạc là tội phạm và những người vi phạm, đáp ứng các yếu tố cấu thành tội phạm sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Mặc dù, các bị cáo cùng tham gia vào việc đánh bạc nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết, chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Y là người rủ rê các bị cáo M, Th, Đ đánh bạc; chuẩn bị nơi đánh bạc, thu xâu phục vụ cho việc đánh bạc. Bên cạnh đó, bị cáo Y còn cùng với bị cáo M rủ bị cáo H đánh bạc; hùn với bị cáo M trực tiếp đánh bạc. Các bị cáo Th, Đ, T, H cùng tham gia đánh bạc, trong đó, bị cáo Đ, bị cáo T tham gia 01 tụ bài. Cho nên, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo Y gây ra là cao nhất, kể đến lần

lượt là hành vi phạm tội của các bị cáo Đ, M, Th, H, T. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng với từng hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã tỏ rõ thái độ “thành khẩn khai báo” là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Y, M, H, Th, T còn có tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo M, Th, Đ **còn tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra**, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo khi lượng hình.

Xét thấy, các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ; không nhất thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội, có thể để các bị cáo tự lao động dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, khoan hồng cho hưởng án treo.

Đối với đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Y do bị cáo đã nộp số tiền thu xâu 400.000 đồng của các ngày đánh bạc trước đó, thấy rằng, việc giao nộp số tiền do phạm tội mà có vào công quỹ Nhà nước là trách nhiệm của bị cáo nên không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về hình phạt bổ sung, theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, các bị cáo Y, M, H, Th, Đ có tài sản, điều kiện kinh tế ổn định. Vì vậy, xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình hình tài sản của từng bị cáo, buộc bị cáo Y nộp phạt 5.000.000 đồng; buộc các bị cáo M, Th, H, Đ, mỗi bị cáo nộp phạt 3.000.000 đồng vào công quỹ Nhà nước. Các bị **cáo đã thi hành xong theo các Quyết định thi hành án số 546/QĐ-THA, 549/QĐ-THA, 553/QĐ-THA, 554/QĐ-THA cùng ngày 17/5/2016.**

Đối với bị cáo T, qua xác minh, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

+ 13 bộ bài tứ sắc; 01 hộp nhựa màu trắng có đựng 158 lệnh bài; 01 chiếc chiếu là phương tiện dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo các điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ 01 điện thoại di động Nokia 100 thu giữ của bị cáo M; 01 điện thoại di động Nokia C2-01 thu giữ của bị cáo Y; 01 điện thoại di động Nokia 112 thu giữ của bị cáo Th; 01 điện thoại di động Nokia 112 thu giữ của bị cáo Đ được các bị

cáo sử dụng vào việc liên lạc, rủ rê đánh bạc nên là phương tiện phạm tội. Vì vậy, tịch thu sung quỹ Nhà nước các điện thoại di động này cùng các sim số kèm theo theo Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Số tiền thu trên chiếu bạc 4.500.000 đồng; số tiền 3.723.000 đồng trong số 3.803.000 đồng thu giữ của Y; 900.000 đồng trong số 11.086.000 đồng thu giữ của M; 2.110.000 đồng thu giữ của H; 100.000 đồng trong số 4.450.000 đồng thu giữ của Th; 1.254.000 đồng trong số 93.254.000 đồng thu giữ của Đ và 2.304.000 đồng thu giữ của T được các bị cáo dùng vào việc đánh bạc. Vì vậy, tịch thu, sung công quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Đối với số tiền xâu 80.000 đồng trong số 7.803.000 đồng thu giữ từ bị cáo Y và số tiền 400.000 đồng mà bị cáo Y thu xâu của các ngày đánh bạc trước đó là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu, sung công quỹ Nhà nước theo Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Đối với số tiền còn lại 10.186.000 đồng trong số 11.086.000 đồng thu giữ của M không liên quan đến hành vi phạm tội nên giao trả cho bị cáo M. Tuy nhiên, bị cáo M phải chịu hình phạt bổ sung với số tiền 3.000.000 đồng. Vì vậy, tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

Đã thi hành xong theo các Quyết định thi hành án số 557/QĐ-THA, 558/QĐ-THA, 559/QĐ-THA cùng ngày 17/5/2016.

Ngoài các tài sản được xử lý, Cơ quan điều tra còn thu giữ của bị cáo Y số tiền 4.000.000 đồng; thu giữ của bị cáo M 01 xe mô tô AirBlade biển số 67Z1-4013; thu giữ của bị cáo Th 01 xe Dream biển số 67F5-4002; thu giữ của bị cáo Đ số tiền 92.000.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone cùng sim số, 01 xe AirBlade biển số 67Z1-4087. Các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Vì vậy, việc Cơ quan điều tra giao trả lại các tài sản này cho các bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về án phí:

Buộc các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Y, Võ Thị M, Đặng Ngọc H, Trần Thị Th, Lâm Thị Đ và Nguyễn Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

(Theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án).

Các bị cáo đã thi hành xong theo các Quyết định thi hành án số 547/QĐ-THA, 548/QĐ-THA, 551/QĐ-THA, 552/QĐ-THA, 555/QĐ-THA, 556/QĐ-THA cùng ngày 17/5/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Y, Võ Thị M, Đặng Ngọc H, Trần Thị Th, Lâm Thị Đ và Nguyễn Thanh T phạm tội “Đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt:

1. Huỳnh Thị Ngọc Y: **09 (chín) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là *01 (một) năm 06 (sáu) tháng*, kể từ ngày tuyên án ngày 06/02/2018 (*sáu tháng hai, năm hai nghìn không trăm mười tám*);

Căn cứ khoản 1 Điều 248, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt:

2. Đặng Ngọc H: **06 (sáu) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là *01 (một) năm*, kể từ ngày tuyên án ngày 06/02/2018 (*sáu tháng hai, năm hai nghìn không trăm mười tám*);

Căn cứ khoản 1 Điều 248, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt:

3. Nguyễn Thanh T: **06 (sáu) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là *01 (một) năm*, kể từ ngày tuyên án ngày 06/02/2018 (*sáu tháng hai, năm hai nghìn không trăm mười tám*);

Căn cứ khoản 1 Điều 248, các điểm i, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt:

4. **Võ Thị M: 06 (sáu) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là *01 (một) năm*, kể từ ngày tuyên án ngày 06/02/2018 (*sáu tháng hai, năm hai nghìn không trăm mười tám*);

Căn cứ khoản 1 Điều 248, các điểm i, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt:

5. Trần Thị Th: **06 (sáu) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án ngày 06/02/2018 (sáu tháng hai, năm hai nghìn không trăm mười tám);

Căn cứ khoản 1 Điều 248, các điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt:

6. Lâm Thị Đ: **06 (sáu) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án ngày 06/02/2018 (sáu tháng hai, năm hai nghìn không trăm mười tám);

Căn cứ khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model 100, màu xanh đen, số Imei: 358955/05/225351/8, sim Viettel số: 89840 – 45552 – 00730 – 3842, pin máy bị phồng, đã qua sử dụng (thu giữ của bị cáo Võ Thị M).

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model C2 – 01, màu đen, số Imei: 355211/05/889175/9, có gắn sim số: 89840 – 20002 – 08585 – 03443, đã qua sử dụng (thu giữ của bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Y).

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model 112, màu đen, số Imei: 393657/06/328918/5, có kèm sim Viettel số: 89840 – 48882 – 00274 – 1164, đã qua sử dụng (thu giữ của bị cáo Trần Thị Th).

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model 112, màu đen, số Imei: 353657/06/226010/4, có kèm sim bị cắt, đã qua sử dụng (thu giữ của bị cáo Lâm Thị Đ).

+ Số tiền 15.371.000 (mười lăm triệu, ba trăm bảy mươi một ngàn) đồng trong số 25.557.000 (hai mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi bảy ngàn) đồng theo giấy nộp tiền số CT: 0020432 ngày 28/10/2015.

Đã thi hành xong.

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 13 (mười ba) bộ bài tứ sắc hiệu Phát Tài, trong đó, có 10 bộ chưa sử dụng, 03 bộ đã qua sử dụng.

+ 01 (một) hộp nhựa màu trắng có đựng 158 lệnh bài (được xếp từ 02 lá bài tứ sắc hình vuông, đẹp);

+ 01 (một) chiếc chiếu dài 1,9 x 1,56m, đã qua sử dụng;

Đã thi hành xong.

- Giao trả cho bị cáo Võ Thị M số tiền 10.186.000 (mười triệu, một trăm tám mươi sáu ngàn) đồng trong số 25.557.000 (hai mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi bảy ngàn) đồng theo giấy nộp tiền số CT: 0020432 ngày 28/10/2015. Nhưng tiếp tục tạm giữ để thi hành án.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/10/2015 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Châu Đốc và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

Đã thi hành xong.

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, 333, 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Y, Võ Thị M, Đặng Ngọc H, Trần Thị Th, Lâm Thị Đ và Nguyễn Thanh T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo đã thi hành xong.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc Y, Võ Thị M, Đặng Ngọc H, Trần Thị Th, Lâm Thị Đ và Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đã giải thích quy định về án treo cho các bị cáo.

Nơi nhận: - Viện KSND thành phố (2); - Tòa án nhân dân tỉnh (1); - Sở Tư pháp (1); - Nhà Tạm giữ (2);	TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
--	--

- Phòng hồ sơ (1); - Chi cục THADS thành phố (1);s - Bộ phận THA Tòa án (1); - UBND cấp xã nơi BC cư trú (1); - Bị cáo; - Lưu hồ sơ; - Lưu văn phòng (1).	(đã ký) Nguyễn Quang Chân
---	--